TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm;

Ông Dương Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tạo – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2017/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST–HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị N, sinh năm 1984; cư trú tại: ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lại Phước S, sinh năm 1981; cư trú tại: ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N chung sống với anh Lại Phước S từ năm 2004, đăng ký kết hôn với anh S tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là huyện B), tỉnh

Bình Dương vào ngày 10-12-2005 (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, quyển số 01). Sau khi kết hôn, chị và anh S về nhà cha mẹ chị tại ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Năm 2017, chị và anh phát sinh mâu thuẫn do anh S thường xuyên uống rượu, bia về nhà say xỉn, có hành động thô lỗ, không tôn trọng cha mẹ chị N, có hành vi bạo hành chị N. Từ đó vợ chồng bất đồng, không hòa hợp, thường xuyên cải vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh S.

Về nuôi con chung: vợ chồng chị có hai con chung là cháu Lại Thị Xuân T, sinh ngày 24-01-2005 và cháu Lại Phước T, sinh ngày 04-10-2007. Hiện, cháu T và cháu T đang ở với chị N. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi hai con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con. Chị N hiện làm công nhân tại Công ty cổ phần VRG K tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, thu nhập hàng tháng trung bình là 6.000.000 đồng, chị đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị N không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 08-01-2018, quá trình tham gia tố tụng và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Lại Phước S trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị N trình bày là đúng. Năm 2017, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu về vấn đề tình cảm. Chị N xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con.

Về nuôi con chung: Anh thừa nhận vợ chồng anh có 02 con chung như chị N trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh S không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 23-10-2017, cháu Lại Thị Xuân T cháu và Lại Phước T có nguyện vọng được sống với chị N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: cho chị N ly hôn anh S. Về con chung: giao cho chị N nuôi dưỡng 02 con chung, anh S không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị N khởi kiện anh Lại Phước S về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, anh S có nơi cư trú tại ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: hôn nhân của chị N và anh S là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh S thường xuyên sử dụng rượu, bia về nhà có hành vi thô lỗ và bạo hành chị N. Cho thấy, chị N và anh S không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Anh S có hành vi bạo lực gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu ly hôn anh S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh S có hai con chung là cháu Lại Thị Xuân T và cháu Lại Phước T. Chị N yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con. Cháu T và cháu T có nguyện vọng sống chung với mẹ. Hai cháu hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Chị N có nơi ở, có nghề nghiệp, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Tại phiên Tòa, anh S đồng ý giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự, giao cháu Lại Thị Xuân T và Lại Phước T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh S không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: nguyên đơn chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N đối với bị đơn anh Lại Phước S về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Lại Phước S.

- Về nuôi con chung: giao cháu Lại Thị Xuân T, sinh ngày 24-01-2005 và cháu Lại Phước T, sinh ngày 04-10-2007 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lại Phước S không phải cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh S không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002662 ngày 16-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết